



Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020



Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Điều hành	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	10 - 25

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0314524981 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("Sở KH&ĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19 tháng 7 năm 2017, và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật).

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Phòng số 3, Tầng 12, Tòa nhà Vinamilk Tower, Số 10 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Thiên Trúc	Chủ tịch
Ông Huỳnh Thanh Lâm	Thành viên
Ông Lars Kjaer	Thành viên
Ông Phạm Đăng Long	Thành viên
Ông Phan Duy Hiếu	Thành viên
Ông Nguyễn Bá Lương	Thành viên
Ông Lee Ying Leong	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Lê Ngọc Sang	Trưởng Ban
Bà Hà Thị Bích Vân	Thành viên
Bà Đỗ Thị Kim Chung	Thành viên

BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên Ban Điều hành trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Việt Hùng	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 7 tháng 7 năm 2020
	Giám đốc Chuỗi Cung ứng	từ nhiệm ngày 7 tháng 7 năm 2020
Ông Nguyễn Thiên Trúc	Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 7 tháng 7 năm 2020
Ông Nguyễn Thảo	Giám đốc Tài chính	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Việt Hùng	bổ nhiệm ngày 7 tháng 7 năm 2020
Ông Nguyễn Thiên Trúc	từ nhiệm ngày 7 tháng 7 năm 2020

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Điều hành cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Theo ý kiến của Ban Điều hành, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng kèm theo. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.



Thay mặt Ban Điều hành:

Trần Việt Hùng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2021

Số tham chiếu: 61417868/21912823

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG ("Công ty") được lập ngày 31 tháng 3 năm 2021 và được trình bày từ trang 5 đến trang 25, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Dương Lê Anthony
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 2223-2018-004-1



Lý Hồng Mỹ
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 4175-2017-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		82.614.887.106	334.500.839.419
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	29.965.321.052	4.145.384.804
111	1. Tiền		2.406.883.867	4.145.384.804
112	2. Các khoản tương đương tiền		27.558.437.185	-
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		51.466.238.883	329.617.299.270
132	1. Trả trước cho người bán ngắn hạn		-	20.000.000
135	2. Phải thu về cho vay ngắn hạn	5	50.000.000.000	-
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	1.466.238.883	329.597.299.270
150	III. Tài sản ngắn hạn khác		1.183.327.171	738.155.345
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	101.812.557	71.292.957
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		1.081.514.614	666.862.388
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.098.824.004.644	1.817.446.654.713
210	I. Phải thu dài hạn		150.094.000	150.094.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	150.094.000	150.094.000
220	II. Tài sản cố định		2.447.599.746	830.037.373
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	2.447.599.746	830.037.373
222	Nguyên giá		2.968.231.818	1.067.190.909
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(520.632.072)	(237.153.536)
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	8	2.096.087.681.379	1.815.455.536.100
251	1. Đầu tư vào công ty con		2.114.535.024.316	1.845.035.024.316
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(18.447.342.937)	(29.579.488.216)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		138.629.519	1.010.987.240
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	138.629.519	1.010.987.240
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.181.438.891.750	2.151.947.494.132

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		6.945.106.374	48.780.369.245
310	I. Nợ ngắn hạn		6.945.106.374	48.780.369.245
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		15.731.734	128.073.382
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		306.709.233	301.105.650
315	3. Chi phí phải trả ngắn hạn	10	2.757.593.594	1.305.584.352
319	4. Phải trả ngắn hạn khác		111.037.050	45.605.861
320	5. Vay ngắn hạn		-	47.000.000.000
322	6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		3.754.034.763	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.174.493.785.376	2.103.167.124.887
410	I. Vốn chủ sở hữu	11.1	2.174.493.785.376	2.103.167.124.887
411	1. Vốn cổ phần		1.706.012.980.000	1.706.012.980.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.706.012.980.000	1.706.012.980.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		174.000.000.000	174.000.000.000
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		294.480.805.376	223.154.144.887
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (lũy kế) đến cuối năm trước		223.154.144.887	(6.145.290.916)
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		71.326.660.489	229.299.435.803
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.181.438.891.750	2.151.947.494.132



Vũ Minh Đức
Người lập



Nguyễn Thảo
Kế toán trưởng



Trần Việt Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
21	1. Doanh thu hoạt động tài chính	12	81.538.090.602	269.895.655.895
22 23	2. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	13	10.427.131.580 (705.013.699)	(27.788.817.658) (809.642.972)
26	3. Chi phí quản lý doanh nghiệp	14	(16.874.220.404)	(12.779.996.941)
30	4. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		75.091.001.778	229.326.841.296
31	5. Thu nhập khác		19.319	152
32	6. Chi phí khác		(10.325.845)	(27.405.645)
40	7. Lỗ khác		(10.306.526)	(27.405.493)
50	8. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		75.080.695.252	229.299.435.803
51	9. Chi phí thuế TNDN hiện hành	15.1	-	-
60	10. Lợi nhuận sau thuế TNDN		75.080.695.252	229.299.435.803



Vũ Minh Đức
Người lập



Nguyễn Thảo
Kế toán trưởng



Trần Việt Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		75.080.695.252	229.299.435.803
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình	7	283.478.536	177.865.152
03	(Hoàn nhập) trích lập dự phòng	13	(11.132.145.279)	26.979.174.686
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	12	(81.538.090.602)	(269.895.655.895)
06	Chi phí lãi vay	13	705.013.699	809.642.972
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(16.601.048.394)	(12.629.537.282)
09	Tăng các khoản phải thu		(496.097.865)	(755.299.701)
11	Tăng các khoản phải trả		1.572.620.174	1.162.178.495
12	Giảm chi phí trả trước		841.838.121	651.632.299
14	Tiền lãi vay đã trả		(866.931.507)	(647.725.164)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(68.955.965)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(15.549.619.471)	(12.287.707.318)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(1.901.040.909)	-
23	Tiền chi cho vay	16	(60.000.000.000)	(30.000.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay		10.000.000.000	30.000.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(116.250.000.000)	(352.171.902.488)
27	Tiền thu cổ tức và lãi tiền gửi		256.520.596.628	314.134.331.364
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		88.369.555.719	(38.037.571.124)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		-	47.376.377.250
34	Tiền trả nợ gốc vay		(47.000.000.000)	(376.377.250)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		(47.000.000.000)	47.000.000.000

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

B03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		25.819.936.248	(3.325.278.442)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		4.145.384.804	7.470.663.246
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	29.965.321.052	4.145.384.804



Vũ Minh Đức
Người lập



Nguyễn Thảo
Kế toán trưởng



Trần Việt Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0314524981 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("Sở KH&ĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19 tháng 7 năm 2017 và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật).

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Phòng số 3, Tầng 12, Tòa nhà Vinamilk Tower, Số 10 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 34 (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 22).

Cơ cấu tổ chức

Công ty có 7 công ty con trực tiếp và 3 công ty con gián tiếp, trong đó:

▶ *Công ty Cổ phần Hóa chất Á Châu ("ACC")*

ACC là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0304918352 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 4 năm 2007 và các GCNĐKDN điều chỉnh. ACC có trụ sở chính đăng ký tại Lô K4B, Khu Công nghiệp Lê Minh Xuân, Đường số 4, Xã Lê Minh Xuân, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và văn phòng đại diện đăng ký tại Tầng 11, Tòa nhà Vinamilk, Số 10 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, ACC cũng có các chi nhánh tại Thành phố Hà Nội, Tỉnh Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh và Thành phố Cần Thơ. Hoạt động chính trong năm hiện tại của ACC là cung cấp sản phẩm và dịch vụ cho nhiều ngành công nghiệp bao gồm thực phẩm và nước giải khát, sản phẩm từ sữa, thủy sản, dược phẩm và bánh kẹo.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty nắm 96,34% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong ACC (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 96,34% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

▶ *Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn ("AFI")*

AFI là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 3700916876 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương cấp ngày 7 tháng 5 năm 2008 và các GCNĐKDN điều chỉnh. AFI có trụ sở chính đăng ký tại Lô C-9E-CN, Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3, Phường Thới Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động chính trong năm hiện tại của AFI là sản xuất thực phẩm, các sản phẩm kem béo thực vật và các loại nguyên liệu thực phẩm khác.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty nắm 64,01% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong AFI (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 64,01% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

▶ *Công ty Cổ phần Chế biến Dừa Á Châu ("ACP")*

ACP là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 1300975859 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bến Tre cấp ngày 19 tháng 12 năm 2014 và các GCNĐKDN điều chỉnh. ACP có trụ sở chính đăng ký tại Lô EI-2, EI-3, EI-4, Khu Công nghiệp Giao Long - Giai đoạn II, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam. Hoạt động chính trong năm hiện tại của ACP là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm từ dừa (cơm dừa sấy khô, bột sữa dừa, sữa dừa, nước cốt dừa đông lạnh, thạch dừa và dầu dừa) phục vụ cho thị trường trong nước và xuất khẩu.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty nắm 73,42% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong ACP (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 73,42% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

▶ **Công ty Cổ phần APIS ("APIS")**

APIS là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0312705358 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương cấp ngày 25 tháng 3 năm 2014 và các GCNĐKDN điều chỉnh. APIS có trụ sở chính đăng ký tại Lô số 18A VSIP II - A, Đường số 27, Khu Công nghiệp Việt Nam - Singapore II - A, Xã Vĩnh Tân, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động chính trong năm hiện tại của APIS là sản xuất, kinh doanh nguyên liệu thực phẩm, thực phẩm chức năng và tinh dầu.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty nắm 76,96% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong APIS (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 76,96% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

▶ **Công ty TNHH Thực phẩm AFC ("AFC")**

AFC là một công ty công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 3702533540 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương cấp ngày 10 tháng 2 năm 2017 và các GCNĐKDN điều chỉnh. AFC có trụ sở chính đăng ký tại Lô C-9F-CN, Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3, Phường Thới Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động chính trong năm hiện tại của AFC là sản xuất và kinh doanh thực phẩm.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty nắm 100% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong AFC (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 100% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

▶ **Công ty Cổ phần Hóa chất Công nghiệp Á Châu ("AIC")**

AIC là một công ty cổ phần được thành lập theo luật doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0313428499 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 9 năm 2015 và các GCNĐKDN điều chỉnh. AIC có trụ sở chính đăng ký tại Phòng số 4, Tầng 12, Tòa nhà Vinamilk Tower, số 10 Đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính trong năm hiện tại của AIC là bán buôn hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp, bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty nắm giữ 99,98% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong AIC (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 99,84% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

▶ **Công ty Asia Chemical Corporation (ACC) Pte. Ltd ("ACC PTE")**

ACC PTE là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập tại Singapore theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 201756070K do Cơ quan Kế toán và Doanh nghiệp Singapore cấp ngày 15 tháng 12 năm 2017. ACC PTE có trụ sở chính đăng ký tại #08 - 03 Tòa nhà Cecil Court, số 138 Đường Cecil, Singapore. Hoạt động chính trong năm hiện tại của ACC PTE là tư vấn doanh nghiệp và quản lý; kinh doanh buôn bán chung (bao gồm xuất nhập khẩu chung).

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty nắm giữ 96,34% tỷ lệ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong ACC PTE (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 96,34% tỷ lệ sở hữu và 100% quyền biểu quyết).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

▶ Công ty Cổ phần Á Châu Hoa Sơn ("AHS")

Công ty Cổ phần Á Châu Hoa Sơn trước đây là Công ty TNHH Chế biến Nông sản Hoa Sơn. Ngày 13 tháng 12 năm 2018, Công ty được chuyển đổi thành Công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Á Châu Hoa Sơn theo GCNĐKDN số 2901627664 do Sở KH&ĐT tỉnh Nghệ An cấp ngày 13 tháng 12 năm 2018, và các GCNĐKDN điều chỉnh. Hoạt động chính trong năm hiện tại của AHS là sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; sản xuất đường, thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty nắm giữ 65% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong AHS (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 65,00% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

▶ Công ty Cổ phần ARC Bình Dương ("ARC")

ARC là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 3702831258 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương cấp ngày 27 tháng 11 năm 2019. ARC có trụ sở chính đăng ký tại Lô G7, Đường số 6, Khu Công nghiệp Sóng Thần 2, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động chính trong năm hiện tại của ARC là dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật); vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển); kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty nắm giữ 98,31% tỷ lệ sở hữu và 98,46% quyền biểu quyết trong ARC (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 98,31% tỷ lệ sở hữu và 98,46% quyền biểu quyết).

▶ Công ty TNHH Á Châu Healthcare ("AHC")

AHC trước đây là Công ty TNHH Pierre Fabre Việt Nam được thành lập tại Việt Nam theo GCNĐKDN số 3600246593 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 23 tháng 10 năm 1995 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh. Công ty được đổi tên theo GCNĐKDN điều chỉnh số 3600246593 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 20 tháng 08 năm 2020. AHC có trụ sở chính tại Số 01, đường 4A, Khu Công nghiệp Biên Hòa 2, Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Hoạt động chính trong năm hiện tại của AHC là sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty nắm giữ 91,52% tỷ lệ sở hữu và 95,00% quyền biểu quyết trong AHC.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 8. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đề ngày 31 tháng 3 năm 2021.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Khấu hao tài sản cố định hữu hình

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của tài sản như sau:

Phương tiện vận tải	6 năm
---------------------	-------

3.5 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.7. Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.10 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.11 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình họ.

4. TIỀN

	Số cuối năm	VND Số đầu năm
Tiền mặt	5.921.000	93.398.500
Tiền gửi ngân hàng	2.400.962.867	4.051.986.304
Các khoản tương đương tiền (*)	27.558.437.185	-
TỔNG CỘNG	<u>29.965.321.052</u>	<u>4.145.384.804</u>

(*) Đây là các khoản tiền gửi tiết kiệm tại các ngân hàng thương mại, có thời hạn gốc dưới ba (3) tháng và hưởng lãi suất bình quân 3,5%/năm.

5. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Số dư này thể hiện khoản cho Công ty Cổ phần Chế biến Dừa Á Châu, công ty con của Công ty vay với kỳ hạn từ ngày 14 tháng 5 năm 2020 đến ngày 14 tháng 5 năm 2021 và chịu lãi suất 5%/năm (Thuyết minh số 16).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU KHÁC

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
		<i>VND</i>
Ngắn hạn	1.466.238.883	329.597.299.270
Tạm ứng cho nhân viên	737.334.000	703.034.000
Lãi cho vay và tiền gửi ngân hàng	376.839.974	-
Phải thu cổ tức	-	175.359.346.000
Ứng trước tiền trước mua cổ phần	-	153.250.000.000
Khác	352.064.909	284.919.270
Dài hạn	150.094.000	150.094.000
Đặt cọc thuê văn phòng	150.094.000	150.094.000
TỔNG CỘNG	<u>1.616.332.883</u>	<u>329.747.393.270</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu bên khác</i>	<i>1.260.168.499</i>	<i>1.138.047.270</i>
<i>Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 16)</i>	<i>356.164.384</i>	<i>328.609.346.000</i>

7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<i>VND</i>
	<i>Phương tiện vận tải</i>
Nguyên giá:	
Số đầu năm	1.067.190.909
Mua mới trong năm	<u>1.901.040.909</u>
Số cuối năm	<u>2.968.231.818</u>
Giá trị khấu hao lũy kế:	
Số đầu năm	(237.153.536)
Khấu hao trong năm	<u>(283.478.536)</u>
Số cuối năm	<u>(520.632.072)</u>
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	<u>830.037.373</u>
Số cuối năm	<u>2.447.599.746</u>

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

Tên công ty con	Hoạt động kinh doanh	Tình trạng % sở hữu	Ngày 31 tháng 12 năm 2020		Ngày 31 tháng 12 năm 2019	
			Giá trị % sở hữu	Giá trị VND	Giá trị % sở hữu	Giá trị VND
Công ty Cổ phần Hóa chất Á Châu	Cung cấp sản phẩm và dịch vụ cho nhiều ngành công nghiệp bao gồm thực phẩm và nước giải khát, sản phẩm từ sữa, thủy sản, dược phẩm và bánh kẹo	96,34	96,34	718.020.621.828	96,34	718.020.621.828
Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn	Sản xuất thực phẩm, các sản phẩm kem béo thực vật và các loại nguyên liệu thực phẩm khác	64,01	64,01	503.512.000.000	64,01	503.512.000.000
Công ty Cổ phần Hóa chất Công nghiệp Á Châu (*)	bán buôn hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp, bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản.	99,98	99,98	290.916.000.000	99,84	53.916.000.000
Công ty Cổ phần Chế biến Dừa Á Châu	Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm từ dừa (cơm dừa sấy khô, bột sữa dừa, sữa dừa, nước cốt dừa đông lạnh, thạch dừa và dầu dừa)	73,42	73,42	233.613.000.000	73,42	233.613.000.000
Công ty Cổ phần Á Châu Hoa Sơn (**)	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; sản xuất đường, thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản	65,00	65,00	202.505.902.488	65,00	170.005.902.488
Công ty Cổ phần APIS	Sản xuất, kinh doanh nguyên liệu thực phẩm, thực phẩm chức năng và tinh dầu	76,96	76,96	128.067.500.000	76,96	128.067.500.000
Công ty TNHH Thực phẩm AFC	Sản xuất và kinh doanh thực phẩm	100	100	37.900.000.000	100	37.900.000.000
TỔNG CỘNG				2.114.535.024.316		1.845.035.024.316
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn				(18.447.342.937)		(29.579.488.216)
GIÁ TRỊ THUẬN				2.096.087.681.379		1.815.455.536.100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON (tiếp theo)

- (*) Vào ngày 23 tháng 6 năm 2020, Công ty đã hoàn tất việc mua 23.700.000 cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết từ AIC với giá mua là 237.000.000.000 VND theo Hợp đồng mua cổ phần Số 01/2019/HĐ ngày 26 tháng 12 năm 2019 và Phụ lục của Hợp đồng này ngày 20 tháng 4 năm 2020. Theo đó, Công ty đã nhận được giấy chứng nhận sở hữu cổ phần trong AIC vào cùng ngày. Việc mua thêm cổ phần làm tăng tỷ lệ sở hữu của Công ty trong AIC từ 99,84% lên 99,98%.
- (**) Vào ngày 20 tháng 1 năm 2020, Công ty đã hoàn tất việc mua 3.250.000 cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết từ AHS với giá mua là 32.500.000.000 VND theo Hợp đồng mua cổ phần số 003/2019/HĐMCP ngày 17 tháng 9 năm 2019. Theo đó, Công ty đã nhận được giấy chứng nhận sở hữu cổ phần trong AHS vào cùng ngày. Việc mua thêm cổ phần không làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Công ty trong AHS.

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Dự phòng trích lập trong năm	Hoàn nhập dự phòng	Số cuối năm
				VND
ACP	(26.228.990.177)	-	11.132.145.279	(15.096.844.898)
AFC	(3.350.498.039)	-	-	(3.350.498.039)
TỔNG CỘNG	(29.579.488.216)	-	11.132.145.279	(18.447.342.937)

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
		VND
Ngắn hạn	101.812.557	71.292.957
Phí bảo hiểm	97.991.757	62.292.957
Khác	3.820.800	9.000.000
Dài hạn	138.629.519	1.010.987.240
Thiết bị văn phòng	104.088.081	127.693.565
Chi phí cải tạo văn phòng	-	833.760.360
Khác	34.541.438	49.533.315
TỔNG CỘNG	240.442.076	1.082.280.197

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Lương tháng 13 và thưởng	2.586.210.000	1.007.864.000
Lãi vay	-	161.917.808
Khác	171.383.594	135.802.544
TỔNG CỘNG	<u>2.757.593.594</u>	<u>1.305.584.352</u>

11. VỐN CHỦ SỞ HỮU

11.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	VND			
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	(Lũy kế) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước				
Số đầu năm	1.706.012.980.000	174.000.000.000	(6.145.290.916)	1.873.867.689.084
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	229.299.435.803	229.299.435.803
Số cuối năm	<u>1.706.012.980.000</u>	<u>174.000.000.000</u>	<u>223.154.144.887</u>	<u>2.103.167.124.887</u>
Năm nay				
Số đầu năm	1.706.012.980.000	174.000.000.000	223.154.144.887	2.103.167.124.887
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(3.754.034.763)	(3.754.034.763)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	75.080.695.252	75.080.695.252
Số cuối năm	<u>1.706.012.980.000</u>	<u>174.000.000.000</u>	<u>294.480.805.376</u>	<u>2.174.493.785.376</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

11.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm nay	VND Năm trước
Vốn đã góp		
Vốn góp đầu năm	1.706.012.980.000	1.706.012.980.000
Vốn góp cuối năm	1.706.012.980.000	1.706.012.980.000

11.3 Cổ phiếu

	<u>Số lượng cổ phiếu</u>	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu được phép phát hành	170.601.298	170.601.298
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	170.601.298	170.601.298
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	170.601.298	170.601.298

12. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	VND Năm trước
Thu nhập từ cổ tức	78.350.000.000	267.825.411.928
Lãi tiền gửi ngân hàng	590.830.328	1.242.983.693
Lãi cho bên liên quan vay <i>(Thuyết minh số 16)</i>	2.597.260.274	827.260.274
TỔNG CỘNG	81.538.090.602	269.895.655.895

13. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	VND Năm trước
(Hoàn nhập) trích lập dự phòng đầu tư vào công ty con	(11.132.145.279)	26.979.174.686
Lãi vay bên liên quan <i>(Thuyết minh số 16)</i>	705.013.699	809.410.959
Lãi vay ngân hàng	-	232.013
TỔNG CỘNG	(10.427.131.580)	27.788.817.658

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	VND Năm trước
Chi phí nhân viên	12.577.773.500	8.006.167.500
Chi phí thuê	806.679.933	657.600.494
Chi phí khấu hao (Thuyết minh số 7)	283.478.536	177.865.152
Khác	3.206.288.435	3.938.363.795
TỔNG CỘNG	16.874.220.404	12.779.996.941

15. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

15.1 Chi phí thuế TNDN

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Năm nay	VND Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	75.080.695.252	229.299.435.803
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	15.016.139.050	45.859.887.161
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Thu nhập không chịu thuế	(15.670.000.000)	(53.565.082.386)
Chi phí không được trừ	326.941.035	131.198.423
Lỗ thuế chưa được ghi nhận thuế hoãn lại	326.919.915	7.573.996.802
Chi phí thuế TNDN	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

15.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

15.3 Lỗ chuyển sang năm sau

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có khoản lỗ thuế lũy kế là 42.546.858.579 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 40.912.259.008 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ thuế	VND	
			Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2020	Chưa chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2020
2018	2023	3.042.274.999 (*)	-	3.042.274.999
2019	2024	37.869.984.009 (*)	-	37.869.984.009
2020	2025	1.634.599.571 (*)	-	1.634.599.571
TỔNG CỘNG		42.546.858.579	-	42.546.858.579

(*) Lỗ thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với số lỗ thuế lũy kế nêu trên do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Năm nay	Năm trước
ACC	Công ty con	Nhận cổ tức	175.359.346.000	312.063.660.000
		Cổ tức được chia Thanh toán nhận chuyển nhượng vốn góp	-	368.539.346.000
AIC	Công ty con	Ứng trước tiền mua cổ phần	102.600.000.000	134.400.000.000
AFI	Công ty con	Nhận cổ tức bằng tiền	78.350.000.000	-
		Cổ tức được chia	78.350.000.000	-
		Trả gốc vay	47.000.000.000	-
		Chi phí lãi vay	705.013.699	809.410.959
		Chi phí lãi vay đã trả Vay ngắn hạn	866.931.507	647.493.151
			-	47.000.000.000
ACP	Công ty con	Cho vay	60.000.000.000	-
		Nhận gốc vay	10.000.000.000	-
		Lãi cho vay	2.597.260.274	-
		Mua hàng hóa	32.671.090	3.626.363
AHS	Công ty con	Góp vốn	13.650.000.000	83.850.000.000
		Cho vay	-	30.000.000.000
		Thu hồi cho vay	-	30.000.000.000
		Lãi cho vay	-	827.260.274
		Nhận lãi cho vay	-	827.260.274
APIS	Công ty con	Mua hàng hóa	29.113.397	80.646.276

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Năm nay	Năm trước
Phải thu ngắn hạn khác				
ACP	Công ty con	Lãi cho vay	356.164.384	-
ACC	Công ty con	Phải thu cổ tức	-	175.359.346.000
AIC	Công ty con	Ứng trước tiền mua cổ phần	-	134.400.000.000
AHS	Công ty con	Ứng trước tiền mua cổ phần	-	18.850.000.000
			356.164.384	328.609.346.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Năm nay	Năm trước
Phải thu về cho vay ngắn hạn				
ACP	Công ty con	Cho vay	50.000.000.000	-
Vay ngắn hạn				
AFI	Công ty con	Vay	-	47.000.000.000
Chi phí phải trả ngắn hạn				
AFI	Công ty con	Lãi vay	-	161.917.808
Phải trả người bán ngắn hạn				
APIS	Công ty con	Mua hàng hoá	-	51.060.901

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng	2.176.000.000	2.882.000.000

17. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả tối thiểu trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	795.617.867	867.946.764
Từ 1 đến 5 năm	-	795.617.867
TỔNG CỘNG	795.617.867	1.663.564.631

18. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.



Vũ Minh Đức
Người lập



Nguyễn Thảo
Kế toán trưởng



Trần Việt Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2021